

PHỤ LỤC 3
DỰ TRÙ KINH PHÍ

Kế hoạch phối hợp tổ chức Hội nghị Xúc tiến thương mại, thúc đẩy xuất nhập khẩu khu vực miền Nam
(Ngày 15/5/2026, tại Trung tâm Hội nghị tỉnh)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Nội dung hạng mục công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I	Chi phí ăn uống đón tiếp đại biểu Việt Nam, Campuchia				99.000.000	
1.	Ăn trưa ngày 15/5/2026	Người	80	300.000	24.000.000	Thanh toán theo số Đại biểu tham dự thực tế
2.	Ăn tối ngày 15/5/2026 (Tiệc chiêu đãi chính)	Người	250	300.000	75.000.000	Thanh toán theo số Đại biểu tham dự thực tế
II	Chi phí lưu trú 1 đêm ngày 15/5/2026				15.880.000	Giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ
1.	Phòng đơn cho Trưởng và Phó Đoàn Campuchia	Phòng	2	1.700.000	3.400.000	
2.	Phòng đôi (02 người/phòng) cho đại biểu Campuchia	Phòng	24	520.000	12.480.000	
III	Chi phí đi lại, đưa đón đoàn, phục vụ Hội nghị				37.200.000	
1.	Thuê xe đưa đón đoàn, phục vụ Hội nghị (04 xe x 16 chỗ ngồi x 3.900.000 đồng/xe)	Chuyến	8	3.900.000	31.200.000	Giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ
2.	Công tác phí (10 người x 02 ngày)	Ngày	20	300.000	6.000.000	

IV	Quà tặng lưu niệm				25.400.000	
1.	Quà tặng lưu niệm cho Trưởng Đoàn	Người	1	900.000	900.000	
2.	Quà tặng lưu niệm cho Đại biểu Campuchia	Người	49	500.000	24.500.000	Thanh toán theo số Đại biểu tham dự thực tế
V	Chi phí dịch thuật				3.351.000	
1.	Chi biên dịch tiếng Việt sang tiếng Campuchia ((03 trang Chương trình Hội nghị x 180.000đ/trang x 30%) x 05%)	Trang	3	117.000	351.000	Công chức Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
2.	Chi dịch nói thông thường ((06 giờ ngày 15/5/2026 và 02 giờ ngày 16/5/2026) x 250.000đ/giờ/người x 50%)	Giờ	8	125.000	1.000.000	Công chức Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
3.	Dịch đuổi (dịch đồng thời): 04 giờ x 500.000 đồng/giờ/người (tại Hội nghị ngày 15/5/2026)	Giờ	4	500.000	2.000.000	
VI	Thi công trang trí không gian trưng bày				57.000.000	Giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ
1.	Backdrop, tiêu cảnh check in 8m x 3m	Bộ	3	9.000.000	27.000.000	
2.	Thuê Bàn trưng bày + ghế + thảm trải, váy ban + in ấn ốp mặt trước	Cái	30	500.000	15.000.000	
3.	Thuê sảnh trưng bày	Cái	1	15.000.000	15.000.000	

VII	Chi phí mua các sản phẩm nông sản, sản phẩm đặc trưng tiêu biểu của tỉnh trưng bày, giới thiệu và mời khách dùng thử Hội nghị	Kỳ	1	21.476.750	21.476.750	Giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ
	<i>Chi tiết theo danh mục sản phẩm đính kèm</i>					
VIII	Chi phí khác (nước suối, in ấn tài liệu, giấy mời, thẻ đeo cho đại biểu, băng tên...)	Gói	1	2.000.000	2.000.000	Thanh toán theo thực tế
TỔNG CỘNG (I + II + III + IV + V + VI + VII+VIII)					261.307.750	
Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi một triệu ba trăm lẻ bảy ngàn bảy trăm năm mươi đồng						

DỰ TRÙ KINH PHÍ (DANH MỤC SẢN PHẨM TRUNG BÀY)

Kế hoạch phối hợp tổ chức Hội nghị Xúc tiến thương mại, thúc đẩy xuất nhập khẩu khu vực miền Nam

(Ngày 15/5/2026, tại Trung tâm hội nghị tỉnh)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

STT	Nội dung hạng mục công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Chi phí mua các sản phẩm nông sản, sản phẩm đặc trưng tiêu biểu của tỉnh trung bày, giới thiệu và mời khách dùng thử Hội nghị	Kỳ	1	21.476.750	21.476.750	Giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ
1.	Sầu riêng	Kg	25	136.500	3.412.500	
2.	Xoài Hoà Lộc	Kg	20	130.000	2.600.000	
3.	Xoài Cát Chu	Kg	15	72.000	1.080.000	
4.	Bưởi da xanh	Kg	15	57.750	866.250	
5.	Cam xoàn	Kg	15	57.750	866.250	
6.	Quýt đường	Kg	15	57.750	866.250	
7.	Ớt	Kg	15	63.000	945.000	
8.	Sen Lụa tươi	Kg	12	273.000	3.276.000	
9.	Nem (Lai Vung)	Chục	30	60.000	1.800.000	
10.	Chanh không hạt	Kg	15	47.250	708.750	
11.	Khóm	Kg	15	33.600	504.000	
12.	Hồng xiêm (saboche)	Kg	15	73.500	1.102.500	
13.	Thanh long vỏ vàng	Kg	15	63.000	945.000	
14.	Thanh long ruột đỏ	Kg	15	47.250	708.750	
15.	Dưa lê hoàng kim	Kg	15	56.700	850.500	
16.	Dưa lưới	Kg	15	63.000	945.000	
TỔNG CỘNG (16 SẢN PHẨM)					21.476.750	
Bằng chữ: Hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng						